

Bản án số: 85/2018/DS-PT

Ngày: 16 – 7 – 2018

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thanh P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (*Vắng mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp B, xã D, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

3. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1968 (*Có mặt*).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957 (*Vắng mặt*).

5. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (*Vắng mặt*).

6. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 (*Vắng mặt*).

7. Ông Lê Văn A (*Vắng mặt*).

8. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1983 (*Có mặt*).

9. Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng;

10. Ông Lê Hoài B, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).

11. Ông Lê Minh G, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã O, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

12. Bà Trần Thị U, sinh năm 1966; cư trú tại: Đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị U: Ông Lê Minh G, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp N, xã O, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017). Ông G vắng mặt tại phiên tòa.

13. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp H, xã P, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm H là nguyên đơn.*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:*

Cha, mẹ bà là ông Nguyễn Văn D, chết năm 2015 và bà Lê Thị K, chết năm 2015, có tất cả 09 người con gồm các ông, bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn T và bà là Nguyễn Thị Cẩm H.

Tài sản của cha, mẹ là phần đất có tổng diện tích 20.570m² tại các thửa 282, 269, 271, 274 thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này cha bà (*Ông D*) đã được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 283059, ngày 12/6/1997.

Khi còn sống, cha mẹ đã lần lượt chia đất cho các con để mỗi người tự lo đời sống gia đình và đã lập di chúc ngày 10/7/2012, phân chia di sản như sau (*Nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định*):

Ông Nguyễn Văn C, ngụ tại ấp B, xã C, huyện S, tỉnh Sóc Trăng được hưởng 1.800m² đất vườn. Sau khi được cha mẹ cho, ông C đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thị M và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị Y, ngụ tại ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng được hưởng 1.300m² đất vườn và 1.300m² đất ruộng.

Bà Nguyễn Thị M, ngụ tại ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng được hưởng 1.850m² đất vườn. Phần đất này bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn U, ngụ tại ấp H, xã P, huyện S, tỉnh Sóc Trăng được hưởng 2.454m² đất ruộng và 1.600m² đất vườn. Hiện nay ông U đã chuyển nhượng hết 2.454m² đất ruộng cho Lê Văn Â ngụ tại ấp A, xã T, huyện S và đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, ngụ tại ấp A, xã T, huyện S được hưởng 1.300m² đất ruộng và 1.100m² đất vườn.

Ông Nguyễn Văn T, ngụ tại ấp A, xã T, huyện S được hưởng 2.454m² đất ruộng và 1.600m² đất vườn.

Trước đây cha, mẹ đã tặng cho anh, chị, em là các ông, bà Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị M mỗi người các phần đất riêng nêu trên, đã tách làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, sau đó phần đất của ông U sang bán lại cho ông Lê Văn Â; phần của ông C sang bán lại cho bà Nguyễn Thị M; còn phần của bà N và bà M cũng đã được cha, mẹ cho và tách ra cho riêng mỗi người, hiện nay hai người này đang quản lý, sử dụng. Các phần đất cho các anh, chị, em khi còn sống cha, mẹ đã căn cứ vào diện tích đất trong di chúc chung ngày 10/7/2012, để tiến hành phân chia cho các anh, chị, em này và đã thực hiện xong.

Chỉ còn lại bà, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn U (*Còn lại một phần đất vườn mà Tòa án đo, chưa tách ra*) và anh Nguyễn Văn T thì chưa được cha, mẹ phân chia theo di chúc chung ngày 10/7/2012.

Còn hai công đất cổ cho bà Trần Thị Kiều U, hai công đất này do vợ chồng bà (*Bà và ông Nguyễn Văn D*) đứng ra làm giấy cổ, trong đó có một công của chị Nguyễn Thị Y (*Do chị Y nhờ có giùm*). Hiện nay, bà U cho hai người cháu ruột tên Lê Hoài B và Lê Minh G mượn canh tác trồng hoa màu trên 02 phần đất cổ này. Lúc thỏa thuận, vợ chồng bà cổ cho bà U hai công đất này với giá 02 lượng vàng 24K, thời hạn cổ 02 năm kể từ tháng 4/2016, nếu đến hạn chuộc lại đất, bên cổ không có vàng thì bên nhận cổ tiếp tục canh tác.

Nay, bà chỉ yêu cầu chia thừa kế theo di chúc chung ngày 10/7/2012 các phần đất của cha, mẹ bà còn lại, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2017 của Tòa án (*Đã khấu trừ ra các phần diện tích đất mà cha, mẹ đã tặng cho anh, chị, em là các ông, bà Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị M*), cụ thể yêu cầu chia thừa kế các thửa đất sau đây:

- Thửa số 13, tờ bản đồ 32 (*Thửa cũ số 271, tờ bản đồ số 05*), diện tích 2.069,7m².

- Thửa đất số 31, tờ bản đồ 32 (*Thửa cũ số 269, tờ bản đồ số 05*), diện tích 5.048,4m²;

- Thửa đất số 108, tờ bản đồ 33 (*Thửa cũ số 282, tờ bản đồ số 05*), diện tích 2.422,7m²;

- Thừa số 63, tờ bản đồ 33 (*Thừa cũ số 274, tờ bản đồ số 05*), diện tích 4.848,1m²

- Phần còn lại của thửa 274, tờ bản đồ 05 (*Thừa số mới 74, tờ bản đồ số 33*), diện tích 1.790,2m².

Các thửa đất này đều tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, cụ thể bà yêu cầu được phân chia 1.300m² đất ruộng; 1.100m² đất vườn; phần đất còn lại là 3.812m² và căn nhà có diện tích 120m², nền lót gạch tàu, mái lợp tôle, một vách bằng ván cất trên thửa 282.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2017, biên bản hoà giải ngày 14/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn U, trình bày:*

Về quan hệ nhân thân, tài sản để lại và thời điểm chết của cha, mẹ cũng như việc cha, mẹ phân chia đất đai cho các anh, chị, em ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H nêu trên.

Ông cũng thống nhất chia thừa kế theo di chúc của cha, mẹ ông để lại ngày 10/7/2012, nhưng chia theo theo hiện trạng đất đai mà các anh, chị, em ông đang quản lý, sử dụng. Phần đất còn lại là 3.812m² và căn nhà có diện tích 120m², nền lót gạch tàu, mái lợp tôle, một vách bằng ván cất trên thửa 282. Ông cũng đồng ý phân chia cho người em là bà Nguyễn Thị Cẩm H được hưởng, nhưng phải phân chia thêm cho người em là ông Nguyễn Văn T một phần đất gắn liền với căn nhà lá mà hiện nay vợ chồng ông T đang cất nhà ở.

- *Tại biên bản hoà giải ngày 14/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông cũng thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn U nêu trên, vì di chúc của cha, mẹ phân chia cho ông còn thiếu phần nền nhà mà ông đang ở hiện nay, đây là nền nhà mà cha ông cho ở khi còn sống, nên ông yêu cầu được chia thêm phần nền nhà này.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Kim O trình bày:* Bà thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Văn T, chồng của bà, nêu trên.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2017, biên bản hoà giải ngày 14/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, trình bày:*

Bà cũng thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H nêu trên. Bà từ chối nhận chia thừa kế tiếp tục và để lại phần của mình cho các anh, chị, em được hưởng theo quy định của pháp luật.

Trước đây, bà và bà Nguyễn Thị N đã được cha, mẹ phân chia theo di chúc mỗi người một phần đất (*Bà được phần đất vườn, còn bà N được chia 02 công đất ruộng*) và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, không còn nằm chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha, mẹ. Cho nên, bà và bà N không yêu cầu được tiếp tục chia thừa kế nữa, vì đã được phân chia xong.

Còn phần của ông Nguyễn Văn L cũng đã được cha, mẹ phân chia cho 02

công ruộng giống như bà N, sau đó ông L đã sang bán 02 công đất này cho ông Lê Văn Ấ ở cùng ấp và về bên vợ ở cho đến nay.

Còn bà Nguyễn Thị Đ không được cha mẹ phân chia cho phần đất nào cả vì bên chồng của bà Đ khá giả, nên cha mẹ không phân chia.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2017, biên bản hoà giải ngày 14/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, trình bày:* Bà cũng thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Cẩm H như đã nêu trên. Bà từ chối nhận chia thừa kế tiếp tục và để lại phần của mình cho các anh, chị, em được hưởng theo quy định của pháp luật, vì bà đã được cha, mẹ phân chia tài sản rồi.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2017, biên bản hoà giải ngày 14/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y, trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm H, về di sản thừa kế, về di chúc của cha, mẹ để lại và thống nhất theo yêu cầu chia thừa kế mà bà H đã trình bày nêu trên.

- *Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của các chị, em là bà Nguyễn Thị Cẩm H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Y nêu trên.

- *Tại biên bản hoà giải ngày 14/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, trình bày:* Ông cũng thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn U nêu trên, nhưng ông không đồng ý theo di chúc của cha, mẹ để lại vì di chúc này không có phân chia cho ông phần đất nào cả, đáng lẽ ra phải phân chia cho ông hai líp đất mới đúng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh G, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị U, trình bày:*

Ông là cháu rể của bà Trần Thị U, vào ngày 14/4/2016, bà U có làm giấy tay nhận cổ của vợ chồng bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Văn I 02 công đất tầm 03m (Diện tích 2.600m²) tại thửa số 31, tờ bản đồ số 32 (Thửa cũ 269, tờ bản đồ 5), tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, với giá 02 lượng vàng 24K, thời hạn cổ 02 năm, bà U đã giao đủ số vàng 02 lượng 24K cho vợ chồng bà H, ông I nhận, bà U nhận 02 công đất cổ nêu trên và giao lại cho ông quản lý, sử dụng trồng hoa màu cho đến nay. Hiện nay, ông và ông Lê Hoài B (Em vợ) quản lý, sử dụng phần đất cổ này.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật vì giữa hai bên cầm cổ đất không có tranh chấp với nhau.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 645, 646, 647, 648, 649, 653, 657, 658, 663, 668, 733, 734, khoản 4 Điều 650, khoản 1 Điều 652, các Điều 733, 734 và 735 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167 và 168 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Chia di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị K theo di chúc ngày 10/7/2012, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, như sau:

1.1. Phân chia cho ông Nguyễn Văn T thừa đất số 13, tờ bản đồ 32, diện tích 2.069,7m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách số BR 083858, ngày 09/12/2015, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này hiện nay do ông T đang quản lý, sử dụng, có sổ đo, có tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc giáp đường lộ, có số đo 56,13m.
- + Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn X, có số đo 35,10m.
- + Hướng Nam giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 55,95m.
- + Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 37,13m.

Diện tích 2.069,7m².

1.2. Phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H và bà Nguyễn Thị Y thừa đất số 31, tờ bản đồ 32, diện tích 5.048,4m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách số BR 083860, ngày 09/12/2015, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, phần đất này hiện nay do bà H và bà Y đang quản lý, sử dụng, có sổ đo, có tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 33,62m; giáp đất ông Trần Văn Z, có số đo 53,89m.
- + Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 76,17m.
- + Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 18,87m; giáp đất ông Nguyễn Hoàng Q có số đo 66,50m.
- + Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 42,88m.

Diện tích 5.048,4m², ghi nhận sự thoả thuận của bà H và bà Y về việc phân chia diện tích đất này là bà H được phân chia 3.342m² và bà Y được phân chia 1.706,4m², cụ thể như sau:

1.2.1. Phần đất mà bà H được phân chia có số đo, tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Y, có số đo 85,35m.
- + Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 50,79m.
- + Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 18,87m; giáp đất ông Nguyễn Hoàng Q, có số đo 66,50m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Â, có số đo 28,59m.

Diện tích 3.342m².

1.2.2. Phần đất mà bà Y được phân chia có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn Â, có số đo 33,62m; giáp đất ông Trần Văn Z, có số đo 53,89m.

+ Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 25,38m.

+ Hướng Nam giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H, có số đo 85,35m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Â, có số đo 14,29m.

Diện tích 1.706,4m².

1.3. Phân chia thửa đất số 63, tờ bản đồ 33, diện tích 4.848,1m², loại đất vườn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách số BR 161830, ngày 09/4/2015, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, cho bà Nguyễn Thị Y phần đất diện tích 2.919,9m² và phân chia cho ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích 1.928,2m², mà hiện nay hai người đang quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

1.3.1. Phần đất phân chia cho bà Y có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 36,84m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 19,20m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 65,46m và giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 21,37m+30,39m.

+ Hướng Bắc giáp phần đất phân chia cho ông Nguyễn Văn T, có số đo 85,53m.

Diện tích 2.919,9m².

1.3.2. Phần đất phân chia cho ông T có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 25,60m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 23,01m.

+ Hướng Nam giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Y, có số đo 85,53m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 76,17m.

Diện tích 1.928,2m².

1.4. Phân chia cho ông Nguyễn Văn U phần đất còn lại của thửa 274, tờ bản đồ 05, diện tích 1.790,2m², loại đất vườn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách số I 283059, ngày 12/6/1997, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này, hiện nay, do ông U đang quản lý, sử dụng, có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 34,77m.

+ Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 17,00m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 16,57m và giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 59,07m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 65,46m

Diện tích 1.790,2m².

2. Phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H được hưởng thừa kế một phần đất diện tích 2.184,575m² (*Đã khấu trừ phần diện tích đất mồ mã*) và căn nhà mái tole, nền gạch tàu, tại thửa số 108, tờ bản đồ 33 (*Loại đất ONT+CLN*), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách Số BR 083859, ngày 09/12/2015 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Ô, có các số đo 23,12m+4,4m+24,8m và giáp phần đất ổn định cho ông Nguyễn Văn T, có số đo 38,75m.

+ Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị M, có các số đo 22,2m+20,41m và giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 64,10m.

+ Hướng Nam giáp Lộ bê-tông, có số đo 10,11m và giáp phần đất ổn định cho ông Nguyễn Văn T, có số đo 5,5m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 23,98m.

Diện tích 2.184,575m², phần đất và căn nhà này hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng.

3. Ổn định cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng một phần đất diện tích 213,125m², tại thửa 108, tờ bản đồ 33, loại đất vườn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách số BR 083859, ngày 09/12/2015, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, có số đo, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 38,75m.

+ Hướng Tây giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H (*Phần còn lại của thửa 108*) nêu trên, có số đo 38,75m.

+ Hướng Nam giáp Lộ Bê-tông, có số đo 5,5m.

+ Hướng Bắc giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H (*Phần còn lại của thửa 108*) nêu trên, có số đo 5,5m.

Diện tích 213,125m², phần đất này hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng.

(*Có sơ đồ phân chia các phần đất kèm theo*).

4. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại giá trị quyền sử dụng phần đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Cẩm H Hồng với số tiền 10.656.250 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Các loại cây nhãn và dừa trên các phần đất nêu trên phân chia như sau:

- Ông Nguyễn Văn T được sở hữu 20 cây nhãn loại A và 06 cây dừa loại A, thành tiền là 13.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn U được sở hữu 07 cây dừa loại A, thành tiền là 3.500.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H được sở hữu 17 cây dừa loại A, 02 cây dừa loại B, 02 cây dừa loại C, 03 cây nhãn loại A và 02 cây nhãn loại C, thành tiền là 11.100.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Y được sở hữu 93 cây nhãn loại A và 27 cây dừa loại A, thành tiền là 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/4/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST, ngày 05/4/2018 của TAND huyện Kế Sách với hai yêu cầu sau đây: Thứ nhất, buộc ông T di dời nhà trả cho bà H phần đất có diện tích 213,12m², thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 33 do UBND huyện Kế Sách cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, vì ông T cất nhà không được sự đồng ý của cha mẹ, hiện nay giữa hai gia đình đã mâu thuẫn gay gắt, nhà ông T tạm bợ, ông T có đất khác để cất nhà ở. Thứ hai, yêu cầu ông T trả lại 300m² đất thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 33 do UBND huyện Kế Sách cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D, vì theo di chúc chỉ cho ông T 1.600m² và ông T chỉ sử dụng 03 líp đất cho, nếu giao cho ông T phần đất này thì sẽ gặp khó khăn trong quá trình lấy nước để canh tác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Văn A, bà Lê Thị Kim O, ông Lê Hoài B, bà Lê Thị Kim O, ông Lê Hoài B, bà Trần Kiều U, ông Nguyễn Văn U và ông Trần Thanh P đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272

và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất diện tích khoảng 300m² nằm trong thửa 63 (*Bao gồm ½ chiều dài con mương cặp bờ giáp đất ông Lê Văn Ê và 02 con mương có bờ nhân ở giữa giáp đất ông Nguyễn Hoàng S*) vì lúc cán bộ đo đạc bà H có yêu cầu tách ra nhưng cán bộ đo đạc vẫn đo. Bà H cho rằng cha bà chỉ cho ông T 03 liếp vườn 1.600m² và từ trước đến nay ông T chỉ canh tác 03 liếp vườn này. Nếu giao cho ông T thêm 300m² đất này thì không đúng với nội dung di chúc và bà H không còn đường để lấy nước canh tác. Thấy rằng, ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị K (*Cùng chết năm 2015*) có tất cả 09 người con chung gồm các ông (*Bà*): Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Văn T, không có tranh chấp về hàng thừa kế. Tài sản chung của ông D, bà K là quyền sử dụng đất có tổng diện tích 20.570m², tại các thửa 269, 271 và 274, 282 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 283059 ngày 12/6/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D và một căn nhà có diện tích 120m², nền lót gạch tàu, mái lợp tôle, một vách bằng ván, cất trên thửa 282 nêu trên (*Đã tách QSDĐ theo số thửa mới tương ứng là 31, 13, 63, 108 và một phần còn lại của thửa 274 chưa tách QSDĐ – thửa mới chính quy là 74*). Khi còn sống ông D với bà K có lập di chúc vào ngày 10/7/2012 để lại cho các con quyền sử dụng đất như sau: Ông Nguyễn Văn C được hưởng 1.800m² đất vườn. Sau khi được cha mẹ cho, ông C đã chuyển nhượng cho Nguyễn Thị M và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị Y được hưởng 1.300m² đất vườn và 1.300m² đất ruộng. Bà Nguyễn Thị M được hưởng 1.850m² đất vườn, phần đất này bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn U được hưởng 2.454m² đất ruộng và 1.600m² đất vườn. Hiện nay ông U đã chuyển nhượng hết 2.454m² đất ruộng cho Lê Văn Á và đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị Cẩm H được hưởng 1.300m² đất ruộng và 1.100m² đất vườn. Ông Nguyễn Văn T được hưởng 2.454m² đất ruộng và 1.600m² đất vườn. Phần còn lại có diện tích 3.812m² đất vườn, đất ở và 1.562m² đất ruộng cùng 01 căn nhà trên đất. Những người trong hàng thừa kế đều thừa nhận di chúc do ông D và bà K lập, di chúc được Ủy ban nhân dân xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách chứng thực, nên cấp sơ thẩm xác định di chúc do ông D, bà K lập có hiệu lực là đúng quy định tại các Điều 645, 646, 647, 648, 649, 653, 657, 658, 663, 668, 733, 734, 735, khoản 4 Điều 650 và khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013. Khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đo đạc để phân chia theo di chúc là dựa vào hiện trạng đang sử dụng đất trên thực tế để phân chia, sau khi đo đạc thì không có ai khiếu nại hay thắc mắc gì về kết quả đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm, nên Tòa án cấp sơ thẩm phân chia theo hiện trạng sử dụng đất của từng người là hợp lý. Khi phân chia theo hiện trạng sử dụng đất thực tế so với di chúc thì thấy rằng, chia cho bà Nguyễn Thị Y thừa 1.619,9m² đất vườn và thừa 406m² đất ruộng; chia cho ông Nguyễn Văn U thừa 190,2m² đất vườn; chia cho ông Nguyễn Văn T thừa 382,2m² đất vườn và thiếu 384,3m² đất ruộng; chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H thừa 480m² đất ruộng và thiếu 927,3m² đất vườn. Như vậy, bà Y thừa tổng cộng 2.025,9m²; ông U thừa 190,2m²; ông T thiếu 2,1m²; bà H thiếu

447,3m²; nhưng phần đất vườn bà H nằm liền kề với đất bà Y quản lý, sử dụng, lẽ ra bà H kháng cáo yêu cầu phía bà Y giao cho bà để đủ diện tích theo di chúc, nhưng bà không kháng cáo đối với bà Y, trong khi đó ông T còn thiếu, nên bà H yêu cầu ông T giao phần đất thừa cho bà là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Còn đối với đường cấp thoát nước trong canh tác, từ trước đến nay vẫn sử dụng bình thường không có tranh chấp gì, nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T di dời nhà trả lại cho bà phần đất diện tích 213,125m² nằm trong thửa 108 vì ông T cất nhà không được sự đồng ý của cha mẹ, hiện nay tình trạng xung đột giữa bà và ông T diễn ra liên tục, ông T thường xuyên cố tình gây xáo trộn đời sống hàng ngày cho gia đình bà H, hiện nay nhà ông T chỉ là tạm bợ nên di dời dễ dàng. Xét thấy, tại phiên tòa bà H cũng thừa nhận việc ông T cất nhà ở trên diện tích 213,125m² khi ông D, bà K còn sống; bà cho rằng ông D, bà K có phản đối nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, trong khi đó ông T đã cất nhà và đã ở ổn định từ năm 2010 cho đến nay và khi lập di chúc thì nội dung di chúc cũng không thể hiện buộc ông T tháo dỡ, di dời nhà trả lại đất cho bà H và cũng không có chứng cứ chứng minh có xung đột xảy ra giữa hai gia đình, nên cấp sơ thẩm ổn định phần diện tích đất 213,125m² cho ông T, buộc ông T phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà H với số tiền 10.656.250 đồng là phù hợp, nên kháng cáo của bà H là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[5] Đối với cây trồng trên đất, tại phiên tòa bà H, bà Y, ông I xác định do những người đang trực tiếp sử dụng đất tự trồng, ai trồng người đó hưởng và không có yêu cầu chia giá trị cây trồng trên đất, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 6.910.000 đồng. Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà H đã nộp xong.

[7] Do kháng cáo của nguyên đơn bà H không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H và sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông T di dời nhà trả cho bà H phần đất có diện tích 213,12m², thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 33 và buộc ông T trả lại 300m² đất thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 33 là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

[9] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Chia di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị K theo di chúc ngày lập 10/7/2012, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, như sau:

- Phân chia cho ông Nguyễn Văn T diện tích 2.069,7m², loại đất trồng lúa nước, thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay do ông T đang quản lý, sử dụng; có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Lê Văn X, có số đo 35,10m.

Hướng tây giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 37,13m.

Hướng nam giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 55,95m.

Hướng bắc giáp đường lộ, có số đo 56,13m.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H và bà Nguyễn Thị Y diện tích 5.048,4m², loại đất trồng lúa nước, thuộc thửa số 31, tờ bản đồ 32, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay do bà H và bà Y đang quản lý, sử dụng. Trong tổng diện tích 5.048,4m², bà H và bà Y thỏa thuận thống nhất phân chia cho bà H diện tích 3.342m² và phân chia cho bà Y diện tích 1.706,4m², cụ thể như sau:

+ Phần đất mà bà H được phân chia (Diện tích 3.342m²) có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 50,79m.

Hướng tây giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 28,59m.

Hướng nam giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 18,87m và giáp đất ông Nguyễn Hoàng Q, có số đo 66,50m.

Hướng bắc giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Y, có số đo 85,35m.

+ Phần đất mà bà Y được phân chia (Diện tích 1.706,4m²) có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 25,38m.

Hướng tây giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 14,29m.

Hướng nam giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H, có số đo

85,35m.

Hướng bắc giáp đất ông Lê Văn Á, có số đo 33,62m và giáp đất ông Trần Văn Z, có số đo 53,89m.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn T diện tích 4.848,1m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 63, tờ bản đồ 33, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/4/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay do bà Y và ông T đang quản lý, sử dụng. Trong tổng diện tích 4.848,1m², phân chia cho bà Y được hưởng diện tích 2.919,9m² và phân chia cho ông T được hưởng diện tích 1.928,2m², cụ thể như sau:

+ Phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Y (Diện tích 2.919,9m²) có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 36,84m.

Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 19,20m.

Hướng nam giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 65,46m và giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 21,37m (Đoạn gấp khúc ngang)+30,39m.

Hướng bắc giáp phần đất phân chia cho ông Nguyễn Văn T, có số đo 85,53m.

+ Phần đất phân chia cho ông Nguyễn Văn T (Diện tích 1.928,2m²) có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 25,60m.

Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 23,01m.

Hướng nam giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Y, có số đo 85,53m.

Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 76,17m.

- Phân chia cho ông Nguyễn Văn U phần đất có diện tích 1.790,2m², loại đất vườn, thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 05, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 12/6/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn D (Thửa chính quy số 74, tờ bản đồ số 33). Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, hiện nay do ông U đang quản lý, sử dụng; có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Lê Văn Ê, có số đo 34,77m.

Hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 17,00m.

Hướng nam giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 16,57m và giáp đất bà Nguyễn Thị M, có số đo 59,07m.

Hướng bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D, có số đo 65,46m.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H phần đất diện tích 2.184,575m², loại đất ONT+CLN (Đã khấu trừ phần diện tích đất mồ mã) và căn nhà mái tole, nền gạch tàu, thuộc thửa số 108, tờ bản đồ 33, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, đất và căn nhà này hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng; có số đo, tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trần Văn Ô, có các số đo 23,12m+4,4m (Đoạn gấp khúc ngang)+24,8m và giáp phần đất ổn định cho ông Nguyễn Văn T, có số đo 5,5m (Đoạn gấp khúc ngang)+38,75m.

Hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị M, có các số đo 22,2m+20,41m (Đoạn gấp khúc ngang) và giáp đất ông Nguyễn Hoàng S, có số đo 64,10m.

Hướng nam giáp Lộ bê-tông, có số đo 10,11m.

Hướng bắc giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 23,98m.

- Ổn định cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng một phần đất diện tích 213,125m², loại đất CLN và trên đất có căn nhà, thuộc thửa số 108, tờ bản đồ 33, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp ngày 09/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn D. Phần đất này tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, đất và căn nhà này hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng; có số đo, tứ cận như sau:

Hướng đông giáp đất ông Trần Văn Ô, có số đo 38,75m.

Hướng tây giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H (Phần còn lại của thửa 108) nêu trên, có số đo 38,75m.

Hướng nam giáp Lộ Bê-tông, có số đo 5,5m.

Hướng bắc giáp phần đất phân chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H (Phần còn lại của thửa 108) nêu trên, có số đo 5,5m.

(Đính kèm sơ đồ phân chia các phần đất).

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả lại giá trị quyền sử dụng phần đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Cẩm H Hồng với số tiền 10.656.250 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

- Các loại cây nhãn và dừa trên các phần đất nêu trên phân chia như sau: Ông Nguyễn Văn T được sở hữu 20 cây nhãn loại A và 06 cây dừa loại A. Ông Nguyễn Văn U được sở hữu 07 cây dừa loại A. Bà Nguyễn Thị Cẩm H được sở hữu 17 cây dừa loại A, 02 cây dừa loại B, 02 cây dừa loại C, 03 cây nhãn loại A và 02 cây nhãn loại C. Bà Nguyễn Thị Y được sở hữu 93 cây nhãn loại A và 27 cây dừa loại A.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 6.190.000 đồng bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà H đã nộp xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0002206 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không

ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn